

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27-02-2018

Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.

2. Ông Siu Tư Lul.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1989. Có mặt.

HKTT: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

Hiện trú tại: xóm 10, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn T qua thời gian tìm hiểu, yêu thương và tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2009 tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, cả hai đều cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay tình cảm yêu thương vợ chồng không

còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn T.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh Bùi Văn T có 02 con chung là cháu Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Bùi Hà Bích N, sinh ngày 18/02/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn T: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh T tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn T; Về con chung: giao cháu Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Bùi Hà Bích N, sinh ngày 18/02/2014 cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu; Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 16/10/2017, nguyên đơn là chị Hà Thị T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Bùi Văn T và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị T đúng quy định, anh Bùi Văn T có nơi cư trú tại Thôn T, xã C, huyện C, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân

dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập anh Bùi Văn T đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Bùi Văn T đều không đến Tòa án để làm việc và không cung cấp lời khai cho Tòa án. Tại phiên tòa anh T vắng mặt đến lần thứ hai không vì trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị T, anh Bùi Văn T và yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị T thấy rằng:

Chị Hà Thị T và anh Bùi Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Qua lời trình bày của chị T thì trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị có sự bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh tranh cãi. Do anh T không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của anh T đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không thể làm rõ những mâu thuẫn hôn nhân của anh chị như lời chị T đã trình bày. Việc anh T vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm, không có ý thức hàn gắn những mâu thuẫn hôn nhân giữa anh và chị T.

Kết quả xác minh về những mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T, anh T tại nơi cư trú thể hiện mâu thuẫn hôn nhân giữa anh chị là có thật. Cụ thể tại Biên bản xác minh ngày 18/11/2017, ông Võ Văn T, là Thôn trưởng Thôn T, xã C, huyện C cho biết nguyên nhân chị T, anh T nảy sinh mâu thuẫn là do vợ chồng anh chị có sự bất đồng về quan điểm sống, thường nảy sinh tranh cãi, hiện tại anh T và chị T không còn sống chung với nhau, chị T đã đưa 02 con về quê Thanh Hóa để sinh sống (Bút lục số 29).

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên chị T rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với anh T nhưng chị T kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn mặc dù vắng mặt anh T với lý do vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn từ lâu, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài, bản thân chị hiện không còn tình cảm với anh T.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh T là có thật, mặc dù anh chị là vợ chồng nhưng đã ly thân, không sống chung với nhau một thời gian dài, chị T không còn tình cảm yêu thương anh T nên kiên quyết xin ly hôn; anh T không

đến Tòa án để tham gia tố tụng, không tham gia các phiên tòa xem như từ bỏ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; Tòa án và Hội đồng xét xử không có điều kiện để hòa giải, động viên anh chị quay về đoàn tụ. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh T có 02 con chung là cháu Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Bùi Hà Bích N, sinh ngày 18/02/2014, chị T yêu cầu được nuôi hai con. Tòa án đã làm việc với cháu A và cháu có nguyện vọng được ở với chị T, đồng thời Phòng Lao động-Thương binh xã hội huyện Chư Sê có ý kiến với hoàn cảnh hiện tại, cháu A và cháu N đang sinh sống ổn định với chị T nên giao các cháu cho chị T nuôi dưỡng để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Bùi Hà Bích N, sinh ngày 18/02/2014, cho chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử đã giải thích cho chị T về quyền yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nhưng chị không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 và 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị T được ly hôn với anh Bùi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Đức A, sinh ngày 03/11/2009 và cháu Bùi Hà Bích N, sinh ngày 18/02/2014 cho chị Hà Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Bùi Văn T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này.

4. Về án phí: Buộc chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001541 ngày 17/10/2017 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Chị Hà Thị T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/02/2018). Bị đơn là anh T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự (02 bản);
- VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND xã Văn Nga, Nga Sơn, Thanh Hóa (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Tiến Sỹ